

Bản án số: **30/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 12/5/2022

V/v: Tranh chấp “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC TRÀ MY, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đại.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Lợi và ông Trà Phương Đông.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Thuận, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Trà My: Bà Võ Thị Hoài My, kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 103/2021/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2021 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/02/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/QĐST-HNGĐ ngày 18/3/2022 và Thông báo hoãn phiên tòa số: 02/TB-TA ngày 18/4/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1981. Có mặt.

Địa chỉ: thôn 02, xã TĐ, huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Thành V, sinh năm 1978.

Địa chỉ: thôn 02, xã TĐ, huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam.

Ông V vắng mặt lần thứ 02, không có lý do.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng C Việt Nam.

Địa chỉ: số 169, phố L, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp có ông Phan Hồng N; chức vụ: Phó giám đốc của Phòng giao dịch NH Chuyên Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam “Giấy uỷ quyền ngày 22 tháng 11 năm 2019”. Ông N vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị V trình bày: bà và ông Nguyễn Thành V tự nguyện tìm hiểu và chung sống như vợ chồng với nhau từ 2000 tới nay, không có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền. Ông bà chung sống hạnh phúc được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hiểu nhau, không tôn trọng lẫn nhau. Ông V

thường xuyên uống rượu về gây gỗ, đánh đập vợ con, không quan tâm, chăm sóc cho gia đình. Bà V nhiều lần khuyên nhủ và tha thứ nhưng ông V vẫn không thay đổi. Ông V và bà V đã sống ly thân 02 năm nay, bà V thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Thành V.

Về con chung: Vợ chồng có 07 con chung tên: Nguyễn Thị Hàng, sinh ngày 23/01/2001; Nguyễn Văn Thạch, sinh ngày 05/02/2004; Nguyễn Văn Thanh, sinh ngày 03/4/2005; Nguyễn Thị Châu Hạ, sinh ngày 12/12/2006; Nguyễn Xuân Tấn, sinh ngày 02/9/2008; Nguyễn Thị Mai Hồng, sinh ngày 23/11/2009; Nguyễn Thị Bảo Hân, sinh ngày 09/9/2016.

Đến thời điểm xét xử, cháu Hàng và cháu Thạch đã thành niên, không mất năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn các cháu Thanh, Hạ, Tấn, Hồng và Hân sau khi ly hôn bà muốn trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng nợ Ngân hàng C Việt Nam, phòng giao dịch NHCSXH huyện Bắc Trà My số tiền 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*). Sau khi ly hôn bà yêu cầu chia đôi khoản nợ này, mỗi người có trách nhiệm tiếp tục trả 25.000.000 đồng nợ gốc và lãi suất phát sinh cho ngân hàng theo hợp đồng vay các bên đã ký kết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Thành V đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Hồng N trình bày: Hiện nay vợ chồng chị V và anh V có nợ của Ngân hàng chúng tôi số tiền 50.000.000 đồng và lãi suất tính đến ngày 12/5/2022 là 271.000 đồng. Tôi đề nghị Tòa án xác định người trả nợ cho Ngân hàng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam phát biểu ý kiến:

Về thủ tục: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn tuân thủ đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông Nguyễn Thành V mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai, không có lý do nên đề nghị xét xử vắng mặt theo đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị V và ông Nguyễn Thành V.

Về con chung: Giao 05 con chung gồm: Nguyễn Văn Thanh, sinh ngày 03/4/2005; Nguyễn Thị Châu Hạ, sinh ngày 12/12/2006; Nguyễn Xuân Tấn, sinh ngày 02/9/2008; Nguyễn Thị Mai Hồng, sinh ngày 23/11/2009; Nguyễn Thị Bảo Hân, sinh ngày 09/9/2016 cho bà Nguyễn Thị V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Ông V không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về nợ chung: bà Nguyễn Thị V và ông Nguyễn Thành V mỗi người phải có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng C Việt Nam- Phòng giao dịch NH C huyện

Bắc Trà My số tiền 25.135.500 đồng (*năm mươi triệu đồng, một trăm ba mươi lăm ngàn, năm trăm đồng*) tiền nợ gốc và lãi suất tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 12/5/2022) và lãi suất phát sinh theo hợp đồng vay các bên đã ký kết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử sơ thẩm xét thấy:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết của Toà án: Bà Nguyễn Thị V và ông Nguyễn Thành V chung sống như vợ chồng với nhau từ năm 2000 nhưng không đăng ký kết hôn. Ngày 08/10/2021, nguyên đơn bà Nguyễn Thị V nộp đơn khởi kiện về tranh chấp ly hôn, yêu cầu Tòa án không công nhận vợ chồng với ông Nguyễn Thành V là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 điều 28, điều 186, điều 188 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Nguyễn Thành V cư trú tại thôn 02, xã TĐ, huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam theo quy định tại điều 35, điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về trình tự giải quyết vụ án:

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã gửi thông báo thụ lý vụ án cho các đương sự và Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Trà My theo đúng thời hạn luật định. Đồng thời, Tòa án đã thực hiện các thủ tục tiếp theo như thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ cho các đương sự; thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ; quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa cho các đương sự. Bị đơn ông Nguyễn Thành V đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt.

Mặc dù Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng ông V vẫn vắng mặt, không có lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị V và ông Nguyễn Thành V chung sống với nhau từ năm 2000 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định. Vợ chồng chung sống hạnh phúc và sinh được 07 người con chung nhưng sau đó xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hiểu nhau, không tôn trọng lẫn nhau. Ông V thường xuyên uống rượu về gây gỗ, đánh đập vợ con, không quan tâm, chăm sóc cho vợ con. Ông V không có trách nhiệm với gia đình, thường xuyên bỏ nhà đi đâu không rõ, không thông tin cho vợ con, thỉnh thoảng mới về nhà. Thực tế hai vợ chồng đã sống ly thân hơn 02 năm nay. Tại biên bản xác minh tình trạng hôn nhân của vợ chồng bà V, chính quyền địa phương xác định đã nhận đơn báo cáo của bà V về việc ông V thường xuyên bạo lực gia đình với bà V, không có trách nhiệm với vợ con. Điều đó chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa bà V và ông V đã mâu thuẫn đến mức độ trầm trọng, đời sống chung không

thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị V, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị V và ông Nguyễn Thành V là phù hợp theo quy định tại khoản 1 điều 14, khoản 2 điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Bà Nguyễn Thị V và ông Nguyễn Thành V có 07 con chung tên là: Nguyễn Thị Hàng, sinh ngày 23/01/2001; Nguyễn Văn Thạch, sinh ngày 05/02/2004; Nguyễn Văn Thanh, sinh ngày 03/4/2005; Nguyễn Thị Châu Hạ, sinh ngày 12/12/2006; Nguyễn Xuân Tấn, sinh ngày 02/9/2008; Nguyễn Thị Mai Hồng, sinh ngày 23/11/2009; Nguyễn Thị Bảo Hân, sinh ngày 09/9/2016.

Đến thời điểm xét xử, cháu Hàng và cháu Thạch đã thành niên, không mất năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động, bà V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Còn các cháu Thanh, Hạ, Tấn, Hồng và Hân sau khi ly hôn, bà V có nguyện vọng được nuôi con. Xét thấy, cháu Nguyễn Văn Thanh, Nguyễn Thị Châu Hạ, Nguyễn Xuân Tấn; Nguyễn Thị Mai Hồng và Nguyễn Thị Bảo Hân hiện đang sống ổn định với bà V, được chăm sóc đầy đủ về vật chất và tinh thần. Trong quá trình làm việc, cháu Thanh, Hạ, Tấn, Hồng và Hân đều có nguyện vọng được ở với mẹ. Còn ông V thường xuyên bỏ nhà đi đâu không rõ, thỉnh thoảng mới về nhưng không chăm lo cho gia đình và con cái. Do đó để đảm bảo sự phát triển mọi mặt cho các con chung, Hội đồng xét xử giao con chung của vợ chồng gồm các cháu: Thanh, Hạ, Tấn, Hồng và Hân cho bà V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), theo quy định tại điều 81 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Ông V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung: các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: ngày 09/4/2021, bà Nguyễn Thị V và ông Nguyễn Thành V có làm đơn đề nghị vay vốn tại Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam với số tiền là 50.000.000 đồng, theo hồ sơ vay vốn số 6600000720427093. Thời hạn vay là 84 tháng, lãi suất trong hạn 0,55%/tháng, lãi suất quá hạn 0,715%/tháng, mục đích vay vốn: trồng keo. Tính đến ngày 12/5/2022 vợ chồng bà V và ông V nợ NH C: 50.000.000 đồng tiền gốc và nợ lãi: 271.000 đồng. Đây là nợ chung của vợ chồng nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của bà V, chia đôi khoản nợ này, buộc bà Nguyễn Thị V và ông Nguyễn Thành V mỗi người phải trả 25.000.000 đồng tiền nợ gốc và lãi suất tính đến ngày 12/5/2022 và lãi suất phát sinh theo hợp đồng vay các bên đã ký kết.

[3] Về án phí: bà Nguyễn Thị V và ông Nguyễn Thành V thuộc trường hợp hộ nghèo năm 2022 theo quy định của Chính phủ và là người đồng bào dân tộc thiểu số sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn nộp toàn bộ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, theo quy định tại Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 điều 28, điều 35, điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị V.

Về quan hệ hôn nhân: tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1981 và ông Nguyễn Thành V, sinh năm 1978.

Về con chung: Giao 05 con chung gồm: Nguyễn Văn Thanh, sinh ngày 03/4/2005; Nguyễn Thị Châu Hạ, sinh ngày 12/12/2006; Nguyễn Xuân Tấn, sinh ngày 02/9/2008; Nguyễn Thị Mai Hồng, sinh ngày 23/11/2009; Nguyễn Thị Bảo Hân, sinh ngày 09/9/2016 cho bà Nguyễn Thị V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Ông V không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về nợ chung: bà Nguyễn Thị V và ông Nguyễn Thành V mỗi người phải có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng C Việt Nam- Phòng giao dịch NH C huyện Bắc Trà My số tiền 25.135.500 đồng (*năm mươi triệu đồng, một trăm ba mươi lăm ngàn, năm trăm đồng*) tiền nợ gốc và lãi suất tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 12/5/2022) và lãi suất phát sinh theo hợp đồng vay các bên đã ký kết.

Về án phí: Miễn 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị V do thuộc trường hợp hộ nghèo năm 2022.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 12/5/2022). Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- Viện kiểm sát Bắc Trà My;
- Chi cục THADS huyện;
- Sở Tư pháp;
- Phòng tư pháp huyện Bắc Trà My;
- Các đương sự;
- UBND xã TĐ;
- Phòng tư pháp huyện Bắc Trà My;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Đại

